

## LỢI THẾ CẠNH TRANH

### CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG & GIÁ TRỊ

(Warrent Buffett & Philip Fisher)

Chúng tôi tập trung vào các doanh nghiệp có **lợi thế cạnh tranh**, **hoạt động ổn định**, đi kèm với **tỷ suất lợi nhuận cao** và **sức khỏe tài chính lành mạnh**.

**MỤC TIÊU:** Tối đa hóa **LỢI NHUẬN** bao gồm **CHÊNH LỆCH GIÁ VÀ CỔ TỨC** trên cơ sở một mức độ **RỦI RO NHẤT ĐỊNH** và **ưu tiên tính thanh khoản**.

Phù hợp với **NHÀ ĐẦU TƯ TRUNG & DÀI HẠN**, chấp nhận **RỦI RO** ở mức độ **TRUNG BÌNH THẤP**.

**THỜI GIAN NẮM GIỮ:** > 1 NĂM.

**THỜI GIAN TÁI CƠ CẤU DANH MỤC:** THEO QUÝ / SỰ KIỆN BẤT THƯỜNG.

### MỨC SINH LỜI KỶ VỌNG

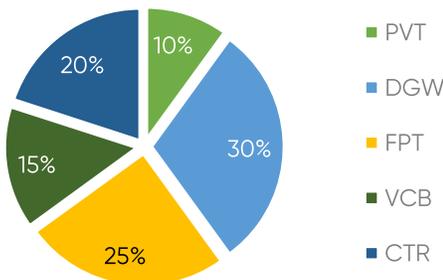
20%

tỷ suất sinh lời kỳ vọng

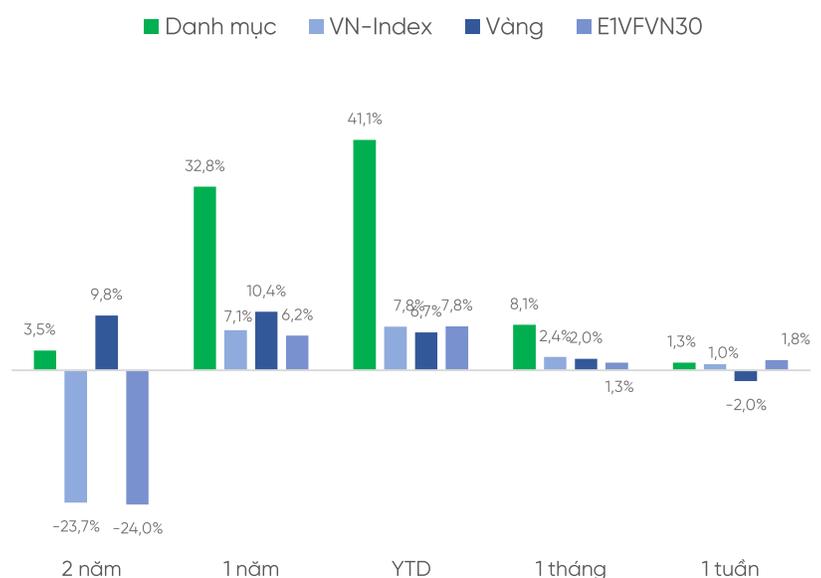
### DANH MỤC MẪU

Mã CK	EPS	TB tăng trưởng LNTT 5 năm	TB ROE 5 năm	TB ROA 5 năm	Nợ vay/VCSH	Cổ tức tiền mặt 2022	KLGD 6T	P/E	P/B
PVT	2.926	16,81%	14,80%	6,17%	62,00%	300	4.485.549	9,2x	1,4x
DGW	2.566	54,43%	27,86%	9,52%	76,00%	1.000	2.054.383	18,6x	3,7x
FPT	4.815	12,20%	25,44%	9,87%	67,00%	1.000	2.802.725	20,4x	4,9x
VCB	6.013	26,96%	23,14%	1,68%	-	-	1.363.248	15,2x	3,2x
CTR	4.346	28,90%	28,44%	8,58%	85,00%	1.000	453.730	18,1x	5,3x

### Phân bố tỷ trọng mã CP



### Hiệu quả hoạt động DM

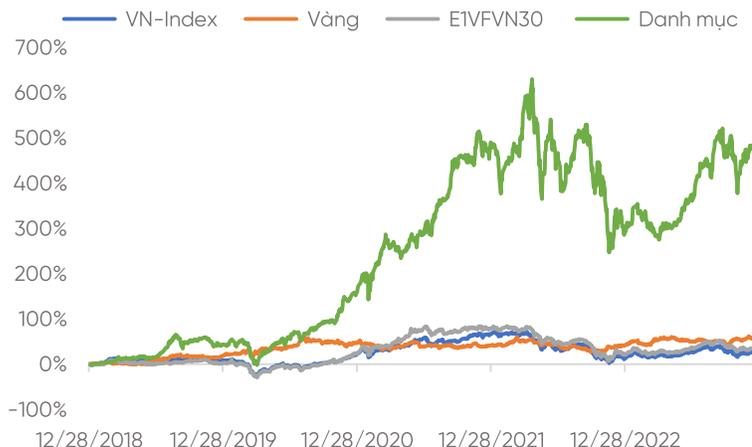


Hiệu suất đầu tư danh mục mẫu và danh mục thực tế sẽ có sự khác nhau do tác động bởi các yếu tố liên quan tới thời gian giao dịch, tính thành công của giao dịch, và các chi phí phát sinh trong quá trình giao dịch.

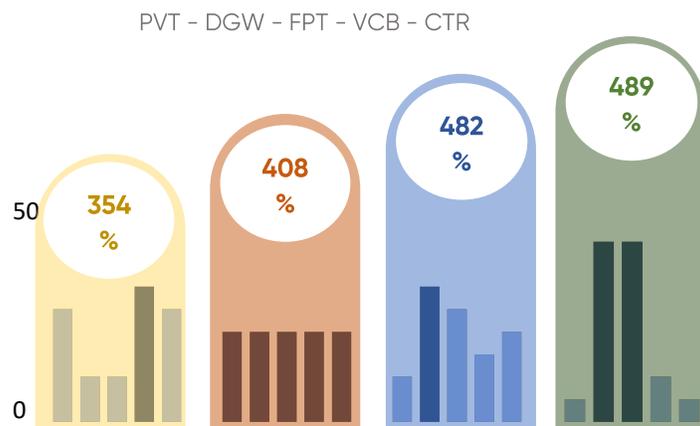
DM đầu tư mẫu chỉ là tham chiếu cho các quyết định đầu tư, bán, cơ cấu danh mục và không phản ánh số cổ phần nắm giữ trong danh mục thực tế.

## BIẾN ĐỘNG HIỆU QUẢ DANH MỤC

So sánh hiệu quả Danh mục



Biến động hiệu quả DM theo tỷ trọng mã CP



## THÔNG TIN CẬP NHẬT MÃ CỔ PHIẾU TRONG DANH MỤC

Mã CP	Ngành	Giá mục tiêu	Tiêu điểm đầu tư
PVT	Vận tải thủy	VND 27.200	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chiến lược đầu tư tăng quy mô &amp; trẻ hóa đội tàu.</li> <li>Phát triển mở rộng sang lĩnh vực vận tải khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) khi nhu cầu xây dựng &amp; sử dụng điện năng lượng tái tạo ngày càng cao.</li> <li>Hưởng lợi từ giá thuê chở dầu cải thiện.</li> <li>Nhu cầu nhập khẩu năng lượng trong nước gia tăng.</li> </ul>
DGW	Bán lẻ	VND 60.200	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kinh tế phục hồi hỗ trợ gia tăng lợi nhuận.</li> <li>Các chính sách thúc đẩy tiêu dùng trong nước được áp dụng: giảm thuế VAT, tăng lương cơ bản cho khối nhà nước.</li> <li>Xu hướng tiêu dùng gia tăng vào cuối năm: mùa tựu trường, ra mắt sản phẩm mới Xiaomi &amp; Apple, kỳ nghỉ Tết...</li> </ul>
FPT	CNTT	VND 108.600	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chi tiêu cho CNTT tiếp tục được đẩy mạnh trong thời kỳ chuyển đổi số.</li> <li>Tập khách hàng mở rộng, đặt biệt tại Nhật Bản.</li> <li>Triển vọng từ ngành công nghiệp giáo dục trong nước khi nhu cầu gia tăng đối với các đơn vị giáo dục tư nhân chất lượng cao.</li> </ul>
VCB	Ngân hàng	VND 102.500	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chất lượng tài sản tốt với tỷ lệ nợ xấu duy trì thấp và hệ số bao nợ xấu LLR cao nhất ngành.</li> <li>Tăng trưởng tín dụng tăng tốc nhờ (i) mặt bằng lãi suất thấp, (ii) được cấp hạn mức tín dụng cao hơn ngành do tham gia tái cơ cấu một ngân hàng yếu kém, và (iii) tập trung giải ngân 1 số dự án xây dựng hạ tầng lớn.</li> </ul>
CTR	Xây dựng	VND 98.100	<ul style="list-style-type: none"> <li>Động lực tăng trưởng vững chắc từ mảng TowerCo với số lượng lớn trạm BTS được bổ sung, trong đó SmallCell 5G có thể sẽ được triển khai sớm nhất trong năm 2024.</li> <li>Hoạt động xây dựng công trình vẫn trong giai đoạn tăng trưởng.</li> </ul>

QUY TRÌNH XÂY DỰNG DANH MỤC



- Xác định mục tiêu đầu tư:
  - Thời hạn đầu tư
  - Mức độ ưa thích rủi ro

- Các tiêu chí sàng lọc:
  - Chỉ số tài chính
  - Thanh khoản
  - Giá trị DN
  - Ý kiến tin cậy của kiểm toán
  - Khả năng chống chọi nguy cơ khủng hoảng
- Lựa chọn 5 CP, kiểm nghiệm số liệu quá khứ về sự tăng trưởng của CP và DM trên thực tế

- Phân tích tình hình tài chính & thực hiện dự phóng
- Sử dụng mô hình định giá phù hợp xác định giá trị DN
- Đánh giá vị thế của DN trên thị trường

- Phân bổ tài sản dựa trên:
  - Lợi nhuận giả định trong tương lai
  - Rủi ro
  - Mức độ biến động giá

- Đánh giá các tin tức trọng yếu ảnh hưởng đến giá trị tương lai của DM
- Cập nhật KQKD theo quý
- Xem xét thay đổi tỷ trọng dựa trên kết quả kinh doanh quý & nghiên cứu

## BẢNG MÔ PHỎNG HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ

Ngày	Đầu tư/tháng	Vốn đầu tư	Biến động VN-Index	Mức sinh lời DM	NAV
12/31/2020	5.000.000	5.000.000	10,0%	11,8%	5.584.718
1/29/2021	5.000.000	10.000.000	5,3%	5,1%	10.497.687
2/26/2021	5.000.000	15.000.000	16,5%	24,2%	18.573.543
3/31/2021	5.000.000	20.000.000	18,8%	27,7%	25.460.447
4/29/2021	5.000.000	25.000.000	23,6%	19,0%	29.664.949
5/31/2021	5.000.000	30.000.000	32,4%	27,4%	38.063.160
6/30/2021	5.000.000	35.000.000	40,4%	32,9%	46.299.950
7/30/2021	5.000.000	40.000.000	30,6%	36,1%	54.129.937
8/31/2021	5.000.000	45.000.000	32,7%	42,3%	63.635.474
9/30/2021	5.000.000	50.000.000	33,8%	56,0%	77.415.462
10/29/2021	5.000.000	55.000.000	44,0%	53,1%	83.580.517
11/30/2021	5.000.000	60.000.000	47,4%	54,6%	91.998.981
12/31/2021	5.000.000	65.000.000	49,4%	48,4%	95.697.233
1/28/2022	5.000.000	70.000.000	47,4%	34,2%	93.350.165
2/28/2022	5.000.000	75.000.000	48,6%	43,7%	106.957.656
3/31/2022	5.000.000	80.000.000	48,8%	60,2%	126.900.863
4/29/2022	5.000.000	85.000.000	36,3%	49,0%	125.550.686
5/31/2022	5.000.000	90.000.000	28,9%	38,5%	123.707.357
6/30/2022	5.000.000	95.000.000	19,4%	26,5%	119.534.603
7/29/2022	5.000.000	100.000.000	20,3%	21,0%	120.443.400
8/31/2022	5.000.000	105.000.000	27,7%	35,9%	141.685.793
9/30/2022	5.000.000	110.000.000	12,9%	19,3%	130.629.211
10/31/2022	5.000.000	115.000.000	2,5%	11,3%	127.627.155
11/30/2022	5.000.000	120.000.000	4,5%	1,1%	121.275.663
12/30/2022	5.000.000	125.000.000	0,4%	-2,5%	121.913.128
1/31/2023	5.000.000	130.000.000	10,8%	10,2%	142.846.949
2/28/2023	5.000.000	135.000.000	2,2%	0,4%	135.463.619
3/31/2023	5.000.000	140.000.000	6,1%	-3,3%	135.509.142
4/28/2023	5.000.000	145.000.000	4,6%	1,8%	147.501.390
5/31/2023	5.000.000	150.000.000	7,2%	7,4%	160.859.612
6/30/2023	5.000.000	155.000.000	11,7%	14,3%	176.553.460
7/31/2023	5.000.000	160.000.000	21,9%	29,7%	206.363.108
8/31/2023	5.000.000	165.000.000	22,0%	38,7%	227.215.637
9/29/2023	5.000.000	170.000.000	15,1%	36,5%	230.430.761
10/31/2023	5.000.000	175.000.000	2,5%	14,9%	200.399.190
11/30/2023	5.000.000	180.000.000	9,1%	32,3%	236.666.387

**Hệ Thống Khuyến Nghị:** Hệ thống khuyến nghị của VPBankS được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá

Xếp hạng	Tỷ lệ (Giá mục tiêu - Giá hiện tại) / Giá hiện tại
MUA	$\geq 20\%$
TĂNG TỶ TRỌNG	$10\% - < 20\%$
THEO DÕI	$< 10\%$

Email:

[Chienluocthitruong@vpbanks.com.vn](mailto:Chienluocthitruong@vpbanks.com.vn)

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS tại:



### **Miễn trừ trách nhiệm:**

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.